TÒA ÁN NHÂN DÂN **KHU VỰC 5 – KHÁNH HÒA**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 40/2026/HS-ST
Ngày: 26-3-2026

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN KHU VỰC 5 - TỈNH KHÁNH HÒA

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có*:*

Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Nguyên Vy

Các Hội thẩm nhân dân: Ông Lê Huỳnh Sinh

Bà Nguyễn Thị Minh Trâm

- Thư ký phiên tòa: Bà Tô Quỳnh Bảo Trâm – Thư ký Tòa án nhân dân Khu vực 5 – Khánh Hòa.

- ***Đại diện Viện kiểm sát nhân Khu vực 5 – Khánh Hòa tham gia phiên tòa***: Bà Nguyễn Thị Thùy Dương – Kiểm sát viên.

Ngày 26 tháng 3 năm 2026, tại trụ sở Tòa án nhân dân Khu vực 5 – Khánh Hòa xét xử sơ thẩm công khai vụ án hình sự sơ thẩm thụ lý số:73/2025/HSST ngày 25 tháng 12 năm 2025 theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 26/2026/QĐXXST-HS ngày 06/02/2026 đối với bị cáo:

- Dương Quốc D, sinh năm 1983 tại Ninh Thuận (nay Khánh Hòa); nơi cư trú: Thôn Đ, xã X, tỉnh Khánh Hòa; nghề nghiệp: Lao động tự do; trình độ văn hóa: 4/12; dân tộc: Kinh; giới tính: Nam; tôn giáo: Công giáo; Quốc tịch: Việt Nam; con Dương Văn N, sinh năm 1955 và bà Nguyễn Thị K, sinh năm: 1960; có vợ Cao Thị L; có 01 con, sinh năm 2017.

Tiền án, tiền sự: Không

Nhân thân:

Năm 2016 bị cáo Dương Quốc D bị Công an thành phố P – T, tỉnh Ninh Thuận xử phạt vi phạm hành chính 200.000 đồng về hành vi trêu ghẹo người khác.

Bị cáo bị bắt ngày 16/10/2025, hiện đang tạm giam tại Phân trại tạm giam Phan R – T, Trại tạm giam số 2 Công an tỉnh K.

Bị cáo có mặt tại phiên tòa.

- Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:

Bà Dương Thị Xuân H, sinh năm: 1976. Địa chỉ: Tổ dân phố D, phường B, tỉnh Khánh Hòa. (Vắng mặt)

Bà Nguyễn Thị N1, sinh năm 1972. Địa chỉ thường trú: Tổ dân phố A, phường B, tỉnh Khánh Hòa. Địa chỉ hiện tại: Tổ dân phố A, phường B, tỉnh Khánh Hòa. (Vắng mặt)

Bà Lê Thị Kim T, sinh năm 1982. Địa chỉ: Tổ dân phố F, phường B, tỉnh Khánh Hòa. H1 (Vắng mặt)

Bà Hồ Thị Lệ T1, sinh năm 1958. Địa chỉ: Tổ dân phố B, phường B, tỉnh Khánh Hòa (Vắng mặt)

Bà Trương Thị Thu H2, sinh năm 1975. Địa chỉ: Tổ dân phố B, phường P, tỉnh Khánh Hòa. (Vắng mặt)

Bà Lê Thị Bích N2, sinh năm 1968. Địa chỉ thường trú: Xã X, tỉnh Khánh Hòa. Địa chỉ hiện nay: Tổ dân phố B, phường B, tỉnh Khánh Hòa (Vắng mặt).

Bà Nguyễn Thị Phương T2, sinh năm 1977. Địa chỉ thường trú: Tổ dân phố B, phường B, tỉnh Khánh Hòa. Địa chỉ hiện tại: Tổ dân phố F, phường B, tỉnh Khánh Hòa. (Có mặt)

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Do muốn hưởng lợi từ việc cho vay tiền lấy lãi, từ năm 2023 đến năm 2025, Dương Quốc D đã cho nhiều người dân sinh sống trên địa bàn tỉnh Khánh Hòa *(tỉnh Ninh Thuận cũ)* vay tiền lấy lãi theo hình thức vay đứng, tức là hàng ngày người vay chỉ trả tiền lãi. Số tiền D cho vay giao động từ 3.000.000 đồng đến 9.000.000 đồng, với lãi suất từ 182.5% đến 547.5%/năm tương đương từ 0,5%/ngày đến 1,5%/ngày. Quá trình cho vay D chỉ cần biết người vay, không cần giữ giấy tờ, cũng không yêu cầu người vay làm hợp đồng vay tiền. Sau khi cho vay tiền, cứ 03 đến 05 ngày D sẽ liên hệ bằng điện thoại gắn sim số 0933208623 để yêu cầu người vay đóng tiền lãi và D đến chỗ ở người vay hoặc hẹn địa điểm bên ngoài để thu tiền lãi hoặc người vay chuyển khoản trực tiếp tiền lãi vào tài khoản ngân hàng V1 số 1017243027 mang tên DUONG QUOC D. Số người D cho vay lấy lãi cụ thể như sau:

1. Bà Dương Thị Xuân H từ ngày 01/02/2023 đến ngày 26/01/2025, bà H vay của D số tiền 5.000.000 đồng, bằng hình thức vay đứng, lãi suất 365%/năm. D đã thu lãi của bà H với số tiền 36.250.000 đồng (*trong đó số tiền lãi tương ứng mức lãi suất cao nhất 20% của Bộ luật Dân sự là 1.986.301 đồng, số tiền thu lợi bất chính 34.263.699 đồng*). Từ ngày 27/01/2025 đến cuối tháng 3/2025, H không có tiền đóng lãi nên D đã tính tiền lãi 1.000.000 đồng cộng vào tiền gốc thành 6.000.000 đồng *(nhưng sau đó, bà H không đóng lãi và gốc cho số tiền này).* Hiện nay, bà H còn nợ D số tiền gốc thực tế đã vay 5.000.000 đồng và có yêu cầu D phải trả lại số lãi bất hợp pháp đã thu**.**

2. Bà Nguyễn Thị N1 từ ngày 02/02/2023 đến ngày 24/6/2025, bà N1 vay của D số tiền 5.000.000 đồng, bằng hình thức vay đứng, lãi suất 365%/năm. D đã thu lãi của bà N1 với số tiền là 43.650.000 đồng đồng (*trong đó số tiền lãi tương ứng mức lãi suất cao nhất 20% của Bộ luật Dân sự 2.391.781 đồng, số tiền thu lợi bất chính 41.258.219 đồng*). Sau đó, N1 không còn khả năng trả tiền lãi cho D. Bà N1 còn nợ D số tiền gốc 5.000.000 đồng và có yêu cầu D phải trả lại số lãi bất hợp pháp đã thu.

3. Bà Lê Thị Kim T từ ngày 05/6/2024 đến ngày 01/5/2025, bà T vay của D số tiền 9.000.000 đồng, bằng hình thức vay đứng, lãi suất 365%/năm. D đã thu lãi của bà T với số tiền 29.700.000 đồng (*trong đó số tiền lãi tương ứng mức lãi suất cao nhất 20% của Bộ luật Dân sự là 1.627.397 đồng, số tiền thu lợi bất chính 28.072.603 đồng*). Sau đó, T không có tiền trả lãi nên D tính tiền lãi là 1.000.000 đồng cộng vào tiền gốc thành 10.000.000 đồng và giảm lãi suất xuống còn 182.5%/năm. Từ ngày 21/5/2025 đến ngày 10/6/2025, D đã thu lãi số tiền là 1.000.000 đồng *(trong đó số tiền lãi tương ứng mức lãi suất cao nhất 20% của Bộ luật Dân sự là 109.589 đồng, số tiền thu lợi bất chính là 890.411 đồng)*. Như vậy, D đã thu lãi của bà T tổng cộng số tiền là 30.700.000 *(trong đó số tiền lãi tương ứng mức lãi suất cao nhất 20% của Bộ luật Dân sự là 1.736.986 đồng, số tiền thu lợi bất chính là 28.963.014 đồng).* Bà T còn nợ D số tiền gốc đã vay là 9.000.000 đồng và có yêu cầu D phải trả lại số lãi bất hợp pháp đã thu.

4. Bà Hồ Thị Lệ T1 từ ngày 19/7/2024 đến ngày 31/12/2024, bà T1 vay của D số tiền 3.000.000 đồng, với hình thức vay đứng, lãi suất là 365%/năm, D đã thu lãi của bà T1 số tiền 4.950.000 đồng *(trong đó số tiền lãi tương ứng mức lãi suất cao nhất 20% của Bộ luật Dân sự là 271.233 đồng, thu lợi bất chính số tiền là 4.678.767 đồng)*. Sau đó, từ ngày 01/01/2025 bà T1 vay thêm số tiền 4.000.000 đồng, cộng với 3.000.000 đồng tiền gốc của lần vay trước là 7.000.000 đồng, lãi suất là 365%/năm, từ ngày 01/01/2025 đến ngày 30/6/2025 D đã thu lãi của bà T1 đối với khoản vay này là 12.600.000 đồng *(trong đó số tiền lãi tương ứng mức lãi suất cao nhất 20% của Bộ luật Dân sự là 690.411 đồng, thu lợi bất chính số tiền là 11.909.589 đồng).*

Như vậy, D đã thu lãi của bà T1 tổng cộng số tiền là 17.550.000 đồng *(trong đó số tiền lãi tương ứng mức lãi suất cao nhất 20% của Bộ luật Dân sự là 961.644 đồng, số tiền D thu lợi bất chính là 16.588.356 đồng).* Hiện nay, bà T1 còn nợ D 7.000.000 đồng tiền gốc và có yêu cầu D phải trả lại số lãi bất hợp pháp đã thu.

5. Bà Trương Thị Thu H2 từ ngày 02/4/2024 ngày 30/01/2025, bà Thu H2 vay của D số tiền 5.000.000 đồng, với hình thức vay đứng, lãi suất là 365%/năm, D đã thu lãi của bà H2 đối với khoản vay này 15.150.000 đồng *(trong đó số tiền lãi tương ứng mức lãi suất cao nhất 20% của Bộ luật Dân sự là 830.137 đồng, số tiền thu lợi bất chính là 14.319.863 đồng).*

Sau đó, từ ngày 01/02/2025 đến ngày 20/02/2025, bà H2 không có tiền trả lãi nên D tính tiền lãi 1.000.000 đồng cộng vào tiền gốc thành 6.000.000 đồng, nhưng bà Thu H2 không trả phần lãi trên mà chỉ trả tiền gốc cho D là 3.000.000 đồng. Hiện bà

Thu H2 còn nợ D số tiền gốc thực tế đã vay là 2.000.000 đồng và có yêu cầu D phải trả lại số lãi bất hợp pháp đã thu.

6. Bà Lê Thị Bích N2 từ ngày 16/11/2024 đến ngày 16/3/2025, bà N2 vay của D số tiền 4.000.000 đồng, với hình thức vay đứng, lãi suất là 547.5%/năm, D đã thu lãi của bà N2 đối với khoản vay này số tiền 7.200.000 đồng *(trong đó số tiền lãi tương ứng mức lãi suất cao nhất 20% của Bộ luật Dân sự là 263.014 đồng, số tiền thu lợi bất chính là 6.936.986 đồng);*

Từ ngày 17/3/2025, D giảm lãi suất cho bà N2 lãi suất là 365%/năm, từ ngày 17/3/2025 đến ngày 25/7/2025, D thu lãi của bà N2 là 5.200.000 đồng *(trong đó số tiền lãi tương ứng mức lãi suất cao nhất 20% của Bộ luật Dân sự là 284.932 đồng, số tiền thu lợi bất chính là 4.915.068 đồng);* từ ngày 26/7/2025 đến ngày 30/7/2025, D tiếp tục giảm lãi suất cho bà N2 xuống 182.5%/năm, D đã thu lợi thực tế 100.000 đồng *(trong đó số tiền lãi tương ứng mức lãi suất cao nhất 20% của Bộ luật Dân sự là 10.959 đồng, số tiền thu lợi bất chính 89.041 đồng)*.

Như vậy, D đã thu lãi thực tế của bà N2 số tiền là 12.500.000 đồng *(trong đó số tiền lãi tương ứng mức lãi suất cao nhất 20% của Bộ luật Dân sự là 558.905 đồng, số tiền thu lợi bất chính là 11.941.095 đồng).* Hiện nay, bà N2 còn nợ D số tiền gốc 4.000.000 đồng và có yêu cầu D phải trả lại số lãi bất hợp pháp đã thu.

7. Bà Nguyễn Thị Phương T2 từ ngày 30/6/2024 đến ngày 11/01/2025, bà T2 vay của D số tiền 5.000.000 đồng với hình thức vay đứng, lãi suất là 365%/năm. D đã thu lãi của bà T2 số tiền là 9.750.000 đồng *(trong đó số tiền lãi tương ứng mức lãi suất cao nhất 20% của Bộ luật Dân sự là 534.247 đồng, số tiền thu lợi bất chính là 9.215.753 đồng)*. Bà T2 còn nợ D số tiền gốc 5.000.000 đồng và có yêu cầu D phải trả lại số lãi bất hợp pháp đã thu.

Ngoài cho những người nêu trên vay tiền, bị cáo D khai cách đây hơn 02 năm có cho bà T3 (C) gần sân vận động tỉnh N vay 3.000.000 đồng, thu lãi được một vài tháng do hoàn cảnh bà T3 (C) gia đình khó khăn, bị bệnh hiểm nghèo nên D không lấy lãi và gốc nữa; hiện D không biết được họ tên, địa chỉ cụ thể của người vay; quá trình điều tra, Cơ quan điều tra đã tiến hành xác minh trường hợp bà T3 (C) nhưng chính quyền địa phương không xác định được người phụ nữ tên T3 (C) nêu trên nên Cơ quan cảnh sát điều tra không có căn cứ để xử lý.

Như vậy, Dương Quốc D đã thực hiện hành vi cho vay lãi nặng trong giao dịch dân sự đối với 07 người, với tổng số tiền cho vay là 40.000.000 đồng, đã thu lợi bất chính số tiền 156.550.000 đồng, thu lãi tương ứng mức lãi suất cao nhất 20% của Bộ luật Dân sự là 9.000.000 đồng.

Cơ quan Cảnh sát điều tra đã ban hành Quyết định trưng cầu giám định số: 12115/QĐ-CSĐT-HS(Đ3) ngày 12/9/2025 trưng cầu giám định kỹ thuật số điện tử đối với một điện thoại di động hiệu Iphone XS, có gắn thẻ sim số 0933208623 của D.

Tại Bản kết luận giám định số: 541/2025/KL-KTHS ngày 02/10/2025 của Phòng K1 Công an tỉnh K kết luận: Một điện thoại di động hiệu Iphone XS, màu đen, IMEI 1 số 357201095154509, IMEI 2 số 357201095048511, có gắn thẻ sim số

0933208623 trích xuất được 11 dữ liệu tin nhắn SMS/iMesage, 12 dữ liệu nhật kí cuộc gọi. Tuy nhiên, không đủ căn cứ xác định những dữ liệu trên có liên quan đến hoạt động cho vay hay không.

Cáo trạng số 22/CT-VKSPR ngày 24/12/2025 của Viện kiểm sát nhân dân Khu vực 5 - Khánh Hòa truy tố bị cáo Dương Quốc Dũng về tội *"Cho vay lãi nặng trong giao dịch dân sự"* theo quy định tại Khoản 2 Điều 201 của Bộ luật hình sự.

Quá trình điều tra và tại phiên tòa, bị cáo D đã khai nhận toàn bộ hành vi phạm tội của mình như trên.

Tại phiên tòa, Kiểm sát viên giữ quyền công tố vẫn giữ nguyên quyết định truy tố bị cáo Dương Quốc D về tội *"Cho vay lãi nặng trong giao dịch dân sự"* theo quy định tại Khoản 2 Điều 201 của Bộ luật hình sự và đề nghị Hội đồng xét xử áp dụng: Khoản 2 Điều 201, Điều 38, Điểm s Khoản 1, Khoản 2 Điều 51; Điểm g Khoản 1 Điều 52 của Bộ luật hình sự, xử phạt bị cáo từ 09 tháng đến 12 tháng tù.

Bị cáo không tranh luận và đồng ý với quan điểm luận tội của Kiểm sát viên tại phiên tòa. Lời nói sau cùng trước khi Hội đồng xét xử vào nghị án: Bị cáo nhận thấy hành vi của mình là vi phạm pháp luật, bị cáo hối hận, xin Hội đồng xét xử xem xét, giảm nhẹ hình phạt cho bị cáo.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu trong hồ sơ vụ án đã được tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1] Tính hợp pháp của các hành vi, quyết định tố tụng: Hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan điều tra, Điều tra viên, Viện kiểm sát nhân dân, Kiểm sát viên trong quá trình điều tra, truy tố đã thực hiện đúng về thẩm quyền trình tự, thủ tục, quy định của Bộ luật Tố tụng hình sự. Quá trình điều tra và tại phiên tòa bị cáo và những người tham gia tố tụng khác không có ý kiến khiếu nại về hành vi, quyết định của cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng. Do đó các hành vi, quyết định tố tụng của cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng đã thực hiện đều hợp pháp.

[2] Về hành vi của bị cáo: Lời khai của bị cáo tại phiên tòa phù hợp với lời khai tại Cơ quan điều tra và các chứng cứ, tài liệu khác đã thu thập được trong quá trình điều tra có trong hồ sơ vụ án, phù hợp với nội dung bản cáo trạng đã truy tố, nên đủ cơ sở kết luận: Trong khoảng thời gian từ năm 2023 đến năm 2025, trên địa bàn tỉnh Khánh Hòa *(trước đây là tỉnh Ninh Thuận),* Dương Quốc D đã thực hiện hành vi cho vay lãi nặng trong giao dịch dân sự đối với 07 người, với tổng số tiền cho vay 40.000.00 đồng, mức lãi suất cho vay từ 182.5% đến 547.5%/năm, cao hơn 05 lần của mức lãi suất cao nhất 20% quy định tại Điều 468 của Bộ luật Dân sự. Bị cáo Dương Quốc D đã thu lãi số tiền 166.550.000 đồng, trong đó: Số tiền lãi tương ứng mức lãi suất cao nhất 20% của Bộ luật Dân sự là 9.000.000 đồng, số tiền thu lợi bất chính là 156.550.000 đồng.

Vì vậy, Cáo trạng số 22/CT-VKSPR ngày 24/12/2025 của Viện kiểm sát nhân dân Khu vực 5 - Khánh Hòa truy tố bị cáo Dương Quốc D về tội *"Cho vay lãi nặng trong giao dịch dân sự"* theo quy định tại Khoản 2 Điều 201 của Bộ luật hình sự là có căn cứ, đúng pháp luật.

[3] Hành vi phạm tội của bị cáo là nguy hiểm cho xã hội, đã xâm phạm đến lĩnh vực kinh doanh tiền tệ, xâm phạm đến lợi ích của công dân, gây ảnh hưởng xấu đến tình hình trật tự trị an tại địa phương. Do đó, phải xử lý thật nghiêm minh trước pháp luật, cần cách ly bị cáo ra khỏi đời sống xã hội một thời gian nhằm răn đe, giáo dục bị cáo và phòng ngừa chung cho toàn xã hội.

[4] Xét nhân thân, tình tiết tăng nặng, giảm nhẹ trách nhiệm hình sự của bị cáo thấy rằng: Năm 2016, bị cáo Dương Quốc D bị Công an thành phố P – T xử phạt vi phạm hành chính 200.000 đồng về hành vi trêu ghẹo người khác. Bị cáo có tình tiết tăng nặng *"Phạm tội 02 lần trở lên"* quy định tại Điểm g Khoản 1 Điều 52 của Bộ luật hình sự. Bị cáo có tình tiết giảm nhẹ *"Thành khẩn khai báo ăn năn hối cải"*, tích cực tác động gia đình nộp ½ số tiền thu lợi bất chính, bị cáo là lao động chính trong gia đình, đang nuôi con nhỏ bị bệnh hiểm nghèo, người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan (người vay) xin giảm nhẹ hình phạt cho bị cáo nên Hội đồng xét xử áp dụng cho bị cáo được hưởng tình tiết giảm nhẹ quy định tại Điểm s Khoản 1, Khoản 2 Điều 51 của Bộ luật hình sự là phù hợp.

Về hình phạt bổ sung: Xét thấy, gia đình bị cáo có hoàn cảnh khó khăn đang nuôi con nhỏ mắc bệnh hiểm nghèo (bệnh viêm não, viêm tủy cổ đoạn dài và viêm não – tủy), thường xuyên khám chữa bệnh cho con, bị cáo là lao động tự do không có nghề nghiệp thu nhập ổn định, hiện vợ bị cáo dành nhiều thời gian chăm sóc con nên không lao động được. Vì vậy, Hội đồng xét xử không áp dụng hình phạt bổ sung là hình phạt tiền đối với bị cáo.

[4] Về biện pháp tư pháp:

- Đối với 01 (một) điện thoại di động nhãn hiệu Iphone XS, màu đen, IMEI 1 số 357201095154509, IMEI 2 số 357201095048511, đã qua sử dụng, có gắn thẻ sim số 0933208623. Quá trình điều tra, xác định điện thoại trên là công cụ Dương Quốc D dùng vào việc phạm tội nên Hội đồng xét xử tuyên tịch thu sung vào Ngân sách nhà nước là có căn cứ.

- Ngoài những vật chứng đã thu giữ trên, quá trình điều tra, Cơ quan điều tra xác định D đã sử dụng xe mô tô biển số 85C1-55.333 để đi lại và đi thu tiền lãi của người vay, tuy nhiên D đã bán xe mô tô trên trước thời điểm bị phát hiện hành vi cho vay lãi nặng; quá trình điều tra Cơ quan điều tra chưa xác minh được người mua xe, chưa thu giữ được xe; vì vậy, Cơ quan cảnh sát điều tra tiếp tục xác minh, khi nào làm rõ sẽ xử lý sau.

- Đối với số tiền gốc 40.000.000 đồng bị cáo dùng để cho vay và số tiền thu lãi tương ứng mức lãi suất cao nhất 20% của Bộ luật Dân sự 9.000.000 đồng. Hội đồng xét xử xét thấy số tiền này là công cụ phạm tội, do phạm tội mà có nên cần phải tịch thu sung Ngân sách nhà nước, cụ thể như sau:

Buộc những người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan nộp lại số tiền gốc đã vay nhưng chưa trả bị cáo để sung Ngân sách nhà nước, gồm: Bà Dương Thị Xuân H 5.000.000 đồng, bà Nguyễn Thị N1 5.000.000 đồng, bà Lê Thị Kim T 9.000.000 đồng, bà Hồ Thị Lệ T1 7.000.000 đồng, bà Trương Thị Thu H2 2.000.000 đồng, bà Lê Thị Bích N2 4.000.000 đồng và bà Nguyễn Thị Phương T2 5.000.000đồng;
Tịch thu của bị cáo Dương Quốc D số tiền gốc cho vay 3.000.000 đồng và 9.000.000 đồng số tiền lãi tương ứng với mức lãi suất 20%/năm theo quy định của Bộ luật dân sự.

- Đối với số tiền lãi vượt mức lãi suất 20%/năm theo quy định của Bộ luật Dân sự mà bị cáo đã thu 156.550.000 đồng. Đây là số tiền bị cáo thu lợi bất chính; do đó, Hội đồng xét xử buộc bị cáo phải trả lại số tiền này cho những người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan (người vay) theo yêu cầu của người vay, như sau: Bà Dương Thị Xuân H 34.263.699 đồng, bà Nguyễn Thị N1 41.258.219 đồng, bà Lê Thị Kim T 28.963.014 đồng, bà Hồ Thị Lệ T1 16.588.356 đồng, bà Trương Thị Thu H2 14.319.863 đồng, Lê Thị Bích N2 11.941.095 và Nguyễn Thị Phương T2 9.215.753 đồng.

- Tiếp tục tạm giữ số tiền 80.000.000 đồng bị cáo (do vợ bị cáo - bà Cao Thị L) đã nộp theo các B lại thu tiền số 0001466 ngày 29/12/2025 và số 000473 ngày 02/3/2026 tại Thi hành án dân sự tỉnh Khánh Hòa để đảm bảo thi hành án.

- Đối với bà T3 (bà C) gần sân vận động tỉnh Ninh Thuận, bị cáo D khai cách đây hơn 02 năm có cho bà T3 (Chí) vay 3.000.000 đồng, thu lãi được một vài tháng do hoàn cảnh bà T3 (C) gia đình khó khăn, bị bệnh hiểm nghèo nên D không lấy lãi và gốc nữa; hiện D không biết được họ tên, địa chỉ cụ thể của người vay; quá trình điều tra, Cơ quan điều tra đã tiến hành xác minh trường hợp bà T3 (C) nhưng chính quyền địa phương không xác định được người phụ nữ tên T3 (C) nêu trên nên Cơ quan cảnh sát điều tra không có căn cứ để xử lý.

[5] Về án phí: Bị cáo phải chịu án phí hình sự sơ thẩm quy định tại khoản 2 Điều 136 Bộ luật tố tụng hình sự và điểm a khoản 1 Điều 23 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Uỷ ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

1. Căn cứ vào Khoản 2 Điều 201, Điều 38, Điểm s Khoản 1, Khoản 2 Điều 51; Điểm g Khoản 1 Điều 52 của Bộ luật hình sự.

Tuyên bố: Bị cáo Dương Quốc D phạm tội "*Cho vay lãi nặng trong giao dịch dân sự*".

Xử phạt bị cáo Dương Quốc D 08 (tám) tháng tù.

Thời hạn chấp hành hình phạt tù tính từ ngày 16/10/2025.

2. Biện pháp tư pháp:

Căn cứ các Điều 46, 47, 48 Bộ luật Hình sự 2015; Điều 106 Bộ luật Tố tụng hình sự.

- Tịch thu sung Ngân sách nhà nước: 01 (một) điện thoại di động nhãn hiệu Iphone XS, màu đen, IMEI 1 số 357201095154509, IMEI 2 số 357201095048511, đã qua sử dụng, có gắn thẻ sim số 0933208623;

Vật chứng, đồ vật nêu trên, hiện Phòng Thi hành án dân sự Khu vực 5, tỉnh Khánh Hòa đang quản lý theo Biên bản giao nhận vật chứng, tài sản ngày 05/3/2026 giữa Cơ quan cảnh sát điều tra Công an tỉnh Khánh Hòa và Phòng Thi hành án dân sự Khu vực 5, tỉnh Khánh Hòa.

- Tịch thu sung Ngân sách nhà nước số tiền gốc 40.000.000 đồng *(Bốn mươi triệu đồng)* bị cáo Dương Quốc D dùng để cho vay và số tiền thu lãi tương ứng mức lãi suất cao nhất 20% của Bộ luật Dân sự là 9.000.000 đồng *(Chín triệu đồng)*, cụ thể như sau:

Buộc những người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan nộp lại số tiền gốc đã vay nhưng chưa trả bị cáo để sung Ngân sách nhà nước, gồm: Bà Dương Thị Xuân H 5.000.000 đồng *(Năm triệu đồng)*, bà Nguyễn Thị N1 5.000.000 đồng *(Năm triệu đồng)*, bà Lê Thị Kim T 9.000.000 đồng *(Chín triệu đồng)*, bà Hồ Thị Lệ T1 7.000.000 đồng *(Bảy triệu đồng)*, bà Trương Thị Thu H2 2.000.000 đồng *(Hai triệu đồng)*, bà Lê Thị Bích N2 4.000.000 đồng *(Bốn triệu đồng)* và bà Nguyễn Thị Phương T2 5.000.000 đồng *(Năm triệu đồng)*;

Tịch thu của bị cáo Dương Quốc D số tiền gốc cho vay 3.000.000 đồng *(Ba triệu đồng)* và 9.000.000 đồng *(Chín triệu đồng)* số tiền lãi tương ứng với mức lãi suất 20%/năm theo quy định của Bộ luật dân sự.

- Buộc bị cáo Dương Quốc D phải trả lại số tiền thu lợi bất chính 156.550.000 đồng cho những người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan, cụ thể:

Bà Dương Thị Xuân H 34.263.699 đồng *(Ba mươi bốn triệu hai trăm sáu mươi ba ngàn sáu trăm chín mươi chín đồng)*, bà Nguyễn Thị N1 41.258.219 đồng *(Bốn mươi mốt triệu hai trăm năm mươi tám ngàn hai trăm mười chín đồng)* bà Lê Thị Kim T 28.963.014 đồng *(Hai mươi tám triệu chín trăm sáu mươi ba ngàn không trăm mười bốn đồng)*, bà Hồ Thị Lệ T1 16.588.356 đồng *(Mười sáu triệu năm trăm tám mươi tám ngàn ba trăm năm mươi sáu đồng)*, bà Trương Thị Thu H2 14.319.863 đồng *(Mười bốn triệu ba trăm mười chín ngàn tám trăm sáu mươi ba đồng)*, bà Lê Thị Bích N2 11.941.095 *(Mười một triệu chín trăm bốn mươi mốt ngàn không trăm chín mươi lăm đồng)* và bà Nguyễn Thị Phương T2 9.215.753 đồng *(Chín triệu hai trăm mười lăm ngàn bảy trăm năm mươi ba đồng)*.

- Tiếp tục tạm giữ số tiền 80.000.000 đồng *(Tám mươi triệu đồng)* do vợ bị cáo - bà Cao Thị L đã nộp thay theo các Biên lai thu tiền số 0001466 ngày 29/12/2025 và số 0000473 ngày 02/3/2026 tại Thi hành án dân sự tỉnh Khánh Hòa để đảm bảo thi hành án.

3. Về án phí: Áp dụng khoản 2 Điều 136 Bộ luật tố tụng hình sự và điểm a khoản 1 Điều 23 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Uỷ ban

thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án. Buộc bị cáo Dương Quốc D phải chịu 200.000 đồng *(Hai trăm ngàn đồng)* án phí hình sự sơ thẩm.

4. Về quyền kháng cáo: Án xử công khai, sơ thẩm có mặt bị cáo, người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan bà Nguyễn Thị Phương T2, quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án; riêng người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan còn lại vắng mặt, quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày kể từ ngày tống đạt hợp lệ bản án.

Trường hợp được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Nơi nhận:
- TAND tỉnh Khánh Hòa;
- VKSND tỉnh Khánh Hòa;
- Sở tư pháp tỉnh Khánh Hòa;
- VKSND Khu vực 5 – Khánh Hòa;
- Công an tỉnh Khánh Hòa;
- Thi hành án dân sự tỉnh Khánh Hòa;
- Bị cáo;
- NCQLNVLQ;
- Lưu (hồ sơ, án văn)./.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

(đã ký)

Nguyễn Thị Nguyên Vy

THÀNH VIÊN HỘI ĐỒNG XÉT XỬ **THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Nguyễn Thị Nguyên V